

CÁC LOÀI THỰC VẬT QUÝ HIẾM VÀ TIỀM NĂNG CÂY THUỐC Ở VƯỜN QUỐC GIA XUÂN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

NGUYỄN THỊ YẾN, LÊ NGỌC CÔNG

Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

ĐỖ HỮU THU

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Vườn Quốc gia (VQG) Xuân Sơn nằm về phía Tây Nam của tỉnh Phú Thọ có diện tích 15.048 ha trên địa phận hành chính của các xã Xuân Sơn, Đông Sơn, Xuân Đài và Kim Thượng của huyện Tân Sơn. VQG Xuân Sơn có vị trí địa lý từ 21003' đến 21012' vĩ độ Bắc, từ 104051' đến 105001' kinh độ Đông, nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới nhưng xa đường xích đạo nên có chế độ khí hậu nhiệt đới gió mùa với mùa đông lạnh. Nhiệt độ hàng năm trung bình từ 22°C - 25°C. Lượng mưa trung bình năm từ 1.800 - 2.000mm, độ ẩm không khí đạt trung bình 86%. Vườn Quốc gia Xuân Sơn có 4 loại đất chính, đặc biệt có loại có giá trị là: đất feralit có mùn trên núi trung bình (FH) phân bố từ độ cao 700m trở lên có tầng mùn dày, đất không có tầng đất này, ít đá lẫn, đất khá màu mỡ. Đó là những điều kiện thuận lợi cho thảm thực vật rừng phát triển. Trong VQG Xuân Sơn có 10 xóm dân cư với 2 dân tộc chính là người Dao (chiếm 65,42%) và người Mường (chiếm 34,43%), còn lại là người Kinh. Tập quán sản xuất của họ chủ yếu là canh tác nương rẫy truyền thống và trồng lúa nước.

Để góp phần cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển đa dạng sinh học - đặc biệt là các loài thực vật quý hiếm cũng như các loài cây thuốc dễ trồng mà có giá trị, chúng tôi tiến hành nghiên cứu và phân loại các loài trong khu hệ nghiên cứu, sau đó tra cứu và phân loại trong tổng số loài thu được theo các tài liệu (trong phần tài liệu tham khảo) để tìm ra các loài thực vật quý hiếm, cũng như các loài thuốc có tiềm năng.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Toàn bộ các loài thực vật bậc cao có mạch ở Vườn Quốc gia Xuân Sơn được chọn làm đối tượng nghiên cứu. Sử dụng các phương pháp điều tra, thu thập mẫu vật và số liệu ở địa điểm nghiên cứu theo tuyến điều tra và lập ô tiêu chuẩn. Xác định tên khoa học các loài thực vật theo các tài liệu của Nguyễn Tiến Bản (2003 - 2005); Bộ KH & CN (2007); Võ Văn Chi (1997); Nghị định số 32/2006/NĐ/CP; IUCN (2001).

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Sự phân bố các taxon trong hệ thực vật ở Vườn Quốc gia Xuân Sơn

Kết quả điều tra, chúng tôi đã xác định được 1090 loài được phân bố trong 6 ngành thực vật bậc cao có mạch, được trình bày ở Bảng 1.

Từ số liệu ở Bảng 1 cho thấy, khu hệ thực vật ở Vườn Quốc gia Xuân Sơn phong phú và đa dạng, sự có mặt của cả 6 ngành thực vật bậc cao có mạch với 1090 loài, 644 chi và 175 họ. Sự phân bố các taxon trong 6 ngành như sau: Ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có số họ 147 (chiếm 84,0%); 602 chi (chiếm 93,48%); 1002 loài (chiếm 91,9%) là ngành chiếm tỷ lệ cao nhất; tiếp đến là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 21 họ (12,0%); 33 chi (5,12%) và 72 loài (6,60%).

Ngành Thông (Pinophyta) có 3 họ (1,71%); 4 chi (0,62%) và 6 loài (0,55%). Ngành Thông đất (Lycopodiophyta) có 2 họ (1,14%); 3 chi (0,46%) và 8 loài (0,73%). Ngành Cỏ thấp bút (Equisetophyta) và ngành Quyết lá thông (Psilotophyta) có số họ, số chi và loài thấp nhất, chỉ với 1 họ, 1 chi và 1 loài.

Bảng 1

Sự phân bố các taxon trong hệ thực vật ở Vườn Quốc gia Xuân Sơn

Ngành	Tên khoa học	Số họ		Số chi		Số loài	
		Số họ	%	Số chi	%	Số loài	%
Quyết lá thông	Psilotophyta	1	0,57	1	0,15	1	0,09
Thông đất	Lycopodiophyta	2	1,14	3	0,46	8	0,73
Cỏ thấp bút	Equisetophyta	1	0,57	1	0,15	1	0,09
Dương xỉ	Polypodiophyta	21	12,0	33	5,12	72	6,60
Thông	Pinophyta	3	1,71	4	0,62	6	0,55
Mộc lan	Magnoliophyta	147	84,0	602	93,48	1002	91,9
Tổng		175	100	644	100	1090	100

Các loài thực vật quý hiếm: Dựa theo các tài liệu [1], [3], [4], [6] trong tổng số 1090 loài thu được, chúng tôi đã phân loại và xác định được 24 loài thực vật quý hiếm (chiếm 2,2% tổng số loài của hệ). Kết quả được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2

**Các loài thực vật quý hiếm được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007),
Danh lục Đỏ IUCN (2001) và Nghị định số 32/2006/NĐ/CP**

TT	Tên Việt Nam	Tên La tinh	Tình trạng		
			VN	IUCN	NĐ32
1.	Tắc kè đá	<i>Drynaria bonii</i> C. Chr.; họ Dương xỉ - Polypodiaceae	VU	VU	
2.	Thỏ tế tân	<i>Asarum caudigerum</i> Hance; họ Mộc hương - Aristolochiaceae	VU	VU	II A
3.	Đình	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Schum var. <i>kerrii</i> Sprange; họ Chùm ớt - Bignoniaceae	VU	VU	II A
4.	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i> Dai et Yakovl.; họ Trám - Burseraceae	VU	VU	
5.	Đẳng sâm	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.; họ Hoa chuông - Campanulaceae	Vu	Vu	II A
6.	Dần toòng	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino; họ Bầu bí - Cucurbitaceae	En	EN	
7.	Chò nâu	<i>Dipterocarpus retusus</i> Blume; họ Dầu - Dipterocarpaceae	Vu	Vu	
8.	Tấu nước	<i>Vatica subglabra</i> Merr.; họ Dầu - Dipterocarpaceae	En	En	

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

TT	Tên Việt Nam	Tên La tinh	Tình trạng		
			VN	IUCN	NĐ32
9.	Cà ôi lá đa	<i>Castanopsis tessellata</i> Hickel & A. Camus; họ Dẻ - Fagaceae	Vu	Vu	
10.	Dẻ phằng	<i>Lithocarpus cerebrinus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus; họ Dẻ - Fagaceae	En	En	
11.	Dẻ bán cầu	<i>Lithocarpus hemisphaericus</i> ; họ Dẻ - Fagaceae	Vu	Vu	
12.	Dẻ quả vát	<i>Lithocarpus truncatus</i> (King ex Hook. f.) Rehd.; họ Dẻ - Fagaceae	Vu	Vu	
13.	Sồi đĩa	<i>Quercus platycalyx</i> Hickel & A. Camus; họ Dẻ - Fagaceae	Vu	Vu	
14.	Chò đãi	<i>Annamocarya sinensis</i> (Dode) J. Leroy; họ Hồ đào - Juglandaceae	En	En	
15.	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte; họ Long não - Lauraceae	Vu	Vu	II A
16.	Re trắng quả to	<i>Phoebe macrocarpa</i> C. Y. Wu; họ Long não - Lauraceae	Vu	Vu	
17.	Mã tiền lông	<i>Strychnos ignatii</i> Berg.; họ Mã tiền - Loganiaceae	Vu	Vu	
18.	Vàng tâm	<i>Manglietia fordiana</i> Oliv.; họ Mộc lan - Magnoliaceae	Vu	Vu	
19.	Giổi lông	<i>Michelia balansae</i> (DC.) Dandy; họ Mộc lan - Magnoliaceae	Vu	Vu	
20.	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss.; họ Xoan - Meliaceae	VU	VU	
21.	Rau sắng	<i>Melientha suavis</i> Pierre; họ Sơn cam (họ Rau sắng) - Opiliaceae	VU	VU	
22.	Nghiến	<i>Excentrodendron tonkinense</i> (Gagnep.) Chang & Miau; họ Đay - Tiliaceae	EN	EN	II A
23.	Hoàng tinh hoa trắng	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib.; họ Mạch môn đông - Convallariaceae	VU	VU	II A
24.	Kim tuy ến đá vôi	<i>Anoectochilus calcareus</i> ; họ Lan - Orchidaceae	EN	EN	I A

Chú thích: Sách Đỏ Việt Nam (2007): Cấp EN: Nguy cấp; VU: Sẽ nguy cấp. Danh lục đỏ IUCN (2001): Cấp EN: Nguy cấp; VU: Sẽ nguy cấp. Nghị định số 32/2006/NĐ/CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ: I A-Thực vật rừng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; II A-Thực vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Từ kết quả Bảng 2 cho thấy, trong tổng số 24 loài trên, có 6 loài ở cấp EN (nguy cấp), 18 loài ở cấp VU (sẽ nguy cấp) theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Danh lục Đỏ IUCN (2001), có 1 loài ở cấp IA (nghiêm cấm khai thác, sử dụng), 6 loài ở cấp IIA (hạn chế khai thác, sử dụng) theo Nghị định số 32/NĐ/CP.

2. Tiềm năng cây thuốc ở VQG Xuân Sơn

Tại khu vực nghiên cứu, ngoài các loài thực vật quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ IUCN (2001) và Nghị định số 32/2006/NĐ/CP, thì ở đây số loài cây làm thuốc có giá trị chiếm một con số lớn 400/1090 loài thu được (chiếm 36,7%). Trong phạm vi

của bài viết, chúng tôi xin trình bày và giới thiệu các cây thuốc có tiềm năng trồng ở Vườn cây thuốc, với các đặc điểm về hình thái, sinh lý rõ ràng giúp chúng ta chọn lựa để trồng ở vườn nhà cho phù hợp.

2.1. Đinh lăng - *Tieghemopanax fruticosus* Vig. (Araliaceae)

Tên dân tộc: Đinh lăng lá nhỏ, cây gỏi cá, nam dương lâm

Cây nhỏ, xanh tốt quanh năm, có thể cao đến 2 m, thân nhẵn, không gai, ít phân nhánh, mang nhiều vết sẹo to màu xám. Lá to, mọc so le, kép lông chim 2-3 lần, dài 20-40 cm; lá chét có răng cưa nhọn, đôi khi chia thùy, gốc và đầu thuôn nhọn, có mùi thơm khi vò nát, cu ống lá dài, phát triển thành bẹ to ở phần cuối. Cụm hoa mọc ở ngọn thành hình chùy ngắn mang nhiều tán; lá bắc rộng, sớm rụng; hoa nhỏ, màu lục nhạt hoặc trắng xám; đài 5 răng hàn liền, mép uốn lượn, tràng 5 cánh hình trái xoan; nhị 5, chỉ nhị ngắn; bầu hạ, 2 ô. Quả dẹt, hình trứng rộng, màu trắng bạc. Mùa hoa quả: tháng 4-7.

Đinh lăng là loại cây ưa ẩm và có thể hơi chịu bóng, trồng được trên nhiều loại đất; thậm chí với một lượng đất rất ít trong chậu nhỏ, cây vẫn có thể sống được, theo kiểu cây cảnh bonsai. Trồng bằng cành sau 2-3 năm cây có hoa quả. Chưa quan sát được cây con mọc từ hạt. Đinh lăng có khả năng tái sinh sinh dưỡng khoẻ với một đoạn thân hoặc cành cắm xuống đất đều trở thành cây mới. Đinh lăng được nhân giống bằng cành trong dân gian, khi trồng một vài cây trong chậu, trong bồn, góc sân, góc vườn... người ta chỉ cần lấy một đoạn thân cành cắm xuống đất là được. Nếu trồng lớn, chọn cành bánh tẻ có đường kính 1-1,5 cm, cắt thành đoạn dài 5-7 cm. Giâm trong cát ẩm (70%). Sau 7-10 ngày, hom giống nảy mầm và sau 1,5-2 tháng có thể ra bầu (phương pháp này cây phát triển không tốt). Khi thu hoạch rễ củ vào mùa đông (tháng 10-12), chọn cành bánh tẻ cắt thành đoạn dài khoảng 30-40 cm (nếu đoạn ngọn cây cần tỉa bớt lá, để hạn chế sự thoát hơi nước của cây), giâm cành giống trong cát ẩm (khoảng 20 cm), đến mùa xuân mang ra trồng ngoài ruộng (phương pháp này cây phát triển tốt). Số lượng giống trên 1 hecta cần: 1.800-2.100 kg cây giống.

2.2. Thảo quyết minh - *Cassia tora* (L.) Roxb. (Fabaceae)

Cây thảo hay cây bụi nhỏ, cao 30-90 cm. Thân cành nhẵn. Lá kép lông chim, mọc so le, gồm 3 đôi lá chét hình bầu dục, mọc đối, dài 3-5 cm, rộng 1,5-2,5 cm, gốc tròn, đầu hơi có mũi nhọn, những lá chét phía trong rộng hơn, hai mặt nhẵn có gân nổi rõ, màu lục nhạt; cuống chung dài 4-8 cm; lá kèm hình giùi. Cụm hoa mọc ở kẽ lá gồm 1-3 hoa màu vàng; đài 5 thùy không bằng nhau; tràng 5 cánh hình trứng thắt lại ở gốc thành móng hẹp; nhị 7, gần đều nhau, bao phần hình bốn cạnh, mở bằng 2 lỗ ở đỉnh, chỉ nhị ngắn; bầu không cuống, có lông nhỏ màu trắng nhạt. Quả đậu hẹp và dài 12-14 cm thắt lại ở 2 đầu, hơi thắt lại ở giữa các hạt, chứa khoảng 25 hạt hình trụ xiên, màu nâu vàng bóng. Mùa hoa: tháng 5-6; mùa quả: tháng 9-11.

Cây phân bố hầu như ở khắp các địa phương, trừ những nơi thuộc vùng núi với độ cao trên 1000 m. Cây thường mọc thành đám đôi khi thuần loại trên những chỗ đất trồng ở chân đồi, thung lũng, ven đường đi, nương rẫy, bờ nương, bãi sông hoặc quanh làng bản. Thảo quyết minh là loại cây ưa sáng, thích nghi cao với điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng và ẩm. Cây có thể sống được trên nhiều loại đất, song tốt nhất là đất có thành phần cơ giới nhẹ, pha cát, dễ thoát nước. Hàng năm, cây con mọc từ hạt vào tháng 3-4, sau đó sinh trưởng mạnh và đến tháng 6-7 bắt đầu có hoa quả. Quả thảo quyết minh chín vào cuối mùa thu, khi khô tự mở cho hạt thoát ra ngoài. Vào thời điểm này, cây cũng bắt đầu tàn lụi. Thảo quyết minh rất dễ trồng, sống khoẻ, chịu lạnh tốt. Cây được nhân giống bằng hạt. Hạt thu vào cuối mùa thu, phơi khô và gieo vào tháng 2-3. Thường gieo thẳng vào hốc cách nhau 50 cm dọc bờ rào, bờ nương, đường đi. Ít cần chăm sóc.

2. 3. Kim tiền thảo - *Desmodium styracifolium* (Osbeck.) Merr. (Fabaceae)

Cây thảo, mọc bò, sau đứng thẳng, cao 0,3-0, 5 m. Ngọn non đẹt, có khía và lông tơ trắng. Lá mọc so le, gồm 1 (đa số) hoặc 3 lá chét hình tròn, dài 1,5-3,4 cm, rộng 2-3,5 cm, gốc bằng hoặc hơi hình tên, đầu tù hoặc hơi lõm, mặt trên màu lục xám nhạt, có gân rất rõ, mặt dưới phủ lông màu trắng bạc, mềm như nhung; lá kèm có lông, có khía; cuống lá dài 1-2,5 cm, có lông. Cụm hoa mọc ở kẽ lá hoặc đầu ngọn thành chùm ngắn hơn lá; lá bắc sớm rụng; hoa màu hồng; đài 4 răng đều, có lông ngắn; tràng có cánh cờ hình bầu dục, các cánh bên thuôn, cánh thìa cong có tai; nhị 2 bó; bầu hơi có lông. Quả đậu hơi cong; hạt có lông. Mùa hoa quả: tháng 3-5. Cây thường gặp ở các tỉnh thuộc vùng núi thấp và trung du phía Bắc, từ Nghệ An trở ra. Các tỉnh có nhiều kim tiền thảo là Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Quảng Ninh, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Hà Nội, Hoà Bình, v.v...

Cây ưa sáng, ưa ẩm nhưng cũng có thể hơi chịu được khô hạn. Cây thường mọc thành đám ở ven rừng, nhất là những nương rẫy mới bỏ hoang. Độ cao phân bố của cây thường dưới 600 m. Cây ra hoa quả nhiều hàng năm, quả chín tự mở để hạt thoát ra ngoài. Về mùa đông, cây có hiện tượng rụng lá hoặc tàn lụi. Cây con mọc từ hạt thường xuất hiện vào tháng 4 hoặc đầu tháng 5. Do khai thác liên tục, đặc biệt 4-5 năm trở lại đây, nguồn kim tiền thảo ở Việt Nam giảm đi rõ rệt. Một số vùng trước kia có nhiều, như ở huyện Đại Từ (Thái Nguyên), Lập Thạch (Vĩnh Phúc) nay trở nên hiếm.

Cây được nhân giống bằng hạt, hạt kim tiền thảo chín vào tháng 9-10. Khi quả chín vàng, thu về phơi khô đập lấy hạt, bảo quản đến tháng 2-3 đem gieo ở vườn ươm, rồi đánh cây con đi trồng. Cũng có thể gieo thẳng theo rạch rồi tía bớt, định khoảng cách. Thời vụ trồng: tháng 3-5.

Kỹ thuật trồng: Ngoài đất đồi núi, bước đầu thấy có thể trồng kim tiền thảo trên nhiều loại đất ở đồng bằng. Đất cao ráo, thoát nước, không bị úng ngập là tốt. Đất cần được cày bừa, lên thành luống cao 20-25 cm, mặt luống rộng tùy ý. Cây trồng hoặc gieo thẳng đều giữ khoảng cách từ 30 x 30 cm đến 30 x 40 cm. Trước khi trồng, nên bón lót cho mỗi hecta 10-15 tấn phân chuồng.

2. 4. Húng quế - *Ocimum basilicum* L. (Lamiaceae)

Cây nhỏ, sống hàng năm hay lâu năm, cao 25-50 cm. Thân và cành vuông, nhẵn, phân nhánh nhiều, cành non màu tím đỏ. Lá mọc đối, hình trái xoan - mũi mác, dài 3-5 cm, rộng 1-1,5 cm, gốc thuôn, đầu nhọn, hai mặt nhẵn, màu lục, mặt trên bóng, mặt dưới nhạt, mép nguyên hay hơi khía răng; cuống lá dài. Cụm hoa mọc thành xim co ở đầu cành gồm nhiều vòng có 5-6 hoa nhỏ màu trắng hơi hồng, các vòng mọc cách xa nhau ở phía dưới và sát nhau ở ngọn; lá bắc nhỏ rụng sớm; đài 5 răng không bằng nhau mọc nghiêng, tồn tại khi cánh hoa đã rụng, màu lục hoặc tím tía, tràng hợp ở dưới thành ống, rồi xẻ 2 môi, môi trên chia 4 thùy nông, môi dưới nguyên; nhị 4 hơi thò ra ngoài; bầu 4 ô. Quả bế tư, rời nhau, mỗi bế quả đựng một hạt. Mùa hoa quả: tháng 5-8. Húng quế hiện được trồng khá phổ biến ở các nước nhiệt đới Đông Nam Á và Nam Á, Húng quế là cây gia vị quen thuộc, được trồng rộng rãi trong nhân dân, ở vườn gia đình và trên đồng ruộng. Húng quế là cây ưa sáng và ưa ẩm, sinh trưởng mạnh trong mùa mưa ẩm. Song với kỹ thuật canh tác hiện nay, người nông dân ở xung quanh Hà Nội, có thể trồng được Húng quế gần như quanh năm, kể cả mùa đông là thời kỳ tàn lụi của cây.

Đối với trồng bằng cách gieo hạt: trộn hạt với tro bếp hoặc đất khô nhỏ, rải đều trên luống, tưới nước cho đủ ẩm. Sau thời gian khoảng 3-5 ngày thì cây nảy mầm, sau thời gian khoảng 3 tuần đến 1 tháng cây cao khoảng 10 cm thì bắt đầu tía cây, sao cho khoảng cách của mỗi cây khoảng 20-30 cm. Cây con tía ra có thể tận dụng trồng ở khu mới.

Đối với trồng cành: chọn những cành bánh tẻ dài khoảng 6-10 cm, phần gốc thường là máu, tia lá ở phần gốc, giâm cành vào đất khoảng 3-4 cm. Sau khi trồng tưới nước đẫm, che khi trời nắng, luôn giữ ẩm cho cây sống.

2. 5. Nhân trần - *Adenosma caeruleum* R. Br. - Scrophulariaceae

Cây thảo mọc đứng, cao khoảng 40-70 cm có khi đến 1 m, thân tròn cứng phủ đầy lông. Lá mọc đối, dài 4-6 cm, rộng 2-3 cm, đầu tù hoặc hơi nhọn, mép khía răng cưa đều, hai mặt mép lá đều có lông, cuống lá dài 0,5-1,2 cm; vò lá có mùi thơm. Cụm hoa mọc ở đầu cành và kẽ lá thành chùm dạng bông, dài đến 30 cm; hoa có màu lam tím; đài hình chuông, xẻ 5 răng có lông, thùy ngoài hình mác rộng và dài, thùy trong rất hẹp; tràng chia 2 môi, môi trên hình tam giác bằng hoặc hơi lõm ở đầu, môi dưới dài hơn, chia 3 thùy bằng nhau; bốn nhị.

Nhân trần phân bố ở một số tỉnh vùng núi phía Bắc như: Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Tuyên Quang, Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai ... Gần đây cũng tìm thấy ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên - Huế ... Nhân trần là một cây ưa ẩm, ưa sáng và hơi chịu bóng, nhất là khi còn nhỏ thường mọc lẫn với cây bụi nhỏ, cỏ thấp ở ven rừng, nương rẫy cũ, hoặc ở đồi. Độ cao phân bố đến 1.300 m so với mặt nước biển. Nhân trần sống được trên nhiều loại đất, kể cả đất đồi hơi chua pH 5,0-5,5, hằng năm cây con mọc từ hạt thường thấy vào cuối mùa xuân, thời kỳ sinh trưởng mạnh kéo dài 2-3 tháng trong mùa hè. Đến giữa mùa thu sau khi quả đã già, cây tàn lụi. Quả Nhân trần khi già tự mở để phát tán hạt xung quanh gốc mẹ. Do đó, trong tự nhiên thường thấy mọc thành đám nhỏ. Nhân trần bắt đầu được trồng ở một số tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Cây được nhân giống bằng hạt. Hạt có thể gieo thẳng hoặc gieo ươm. Nhưng cách gieo thẳng là phổ biến hơn.

Thời vụ trồng: Đất đồng bằng, trung du, miền núi đều có thể gieo Nhân trần, miễn là có điều kiện để tưới và tháo nước. Tầng đất mặt không cần dày hoặc là đất quá sâu vì rễ Nhân trần ăn nông, nhưng phải cày bừa kỹ, tơi, mịn vì hạt khá nhỏ. Ở đất bằng phẳng cần phải làm luống để tiện thoát nước, ở đất dốc có thể không cần làm luống. Trung bình một hecta cần bón lót khoảng 10-15 tấn phân chuồng hoai mục.

2. 6. Ý dĩ - *Coix lacryma -jobi* L. - Poaceae

Cây thảo lớn, mọc thành bụi, cao 1-2 m, giống cây ngô. Thân to mọc thẳng, ít phân cành, nhẵn, ruột xốp. Lá mọc so le, hình dải, dài 10-15 cm, rộng 2-5 cm, gốc tròn hoặc hình tên, đầu thuôn nhọn, mép uốn lượn, gân giữa to nổi rất rõ ở mặt dưới; bẹ lá dài và rộng, bẹ chia nhỏ. Cụm hoa bông kép. Hoa đơn tính, cùng gốc, mọc thẳng đứng thành bông ở kẽ lá, dài 4-8 cm; hoa đực ở trên, 2-3 cái xếp lợp; hoa cái ở dưới hình trứng, được bao bọc bởi một lá bắc rất dày. Quả thóc (thường gọi nhầm là hạt), hình trứng, một mặt phẳng, một mặt lồi, đáy tròn, đầu thuôn nhọn, có vỏ ngoài mềm, nhẵn bóng, dễ bóc, màu xám nhạt, nhân màu trắng. Mùa hoa quả tháng 5-12.

Hiện nay, Ý dĩ trồng có hai loại: loại có thân lá màu lục vàng nhạt, quả màu vàng lục, có tên khoa học là *Coix lacryma - jobi* L. var. *mayuen* Stapf. (*C. mayuen* Roman) và loại có thân lá màu lục xám, quả màu tím đen là *Coix lacryma - jobi* L. var. *susudama* Honda.

Ở Việt Nam, Ý dĩ hiện mọc tự nhiên phân bố rải rác ở một số tỉnh vùng núi phía Bắc, như Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, Cao Bằng, Thái Nguyên, Phú Thọ ... Cây thường mọc gần nguồn nước, dọc bờ khe suối ở cửa rừng hay trong thung lũng. Độ cao phân bố từ 300-1.000 m. Ý dĩ trồng nhiều ở Kon Tum (Sa Thầy), Đồng Nai ... từ năm 1995 - 1997 ở Sơn La (Mộc Châu), Hoà Bình (Mai Châu) và Hà Nội ...

Ý dĩ là cây ưa sáng và ưa ẩm. Tùy theo từng loại giống khác nhau, mà có loại ý dĩ thích nghi với điều kiện khí hậu nhiệt đới điển hình ở phía Nam, với nhiệt độ trung bình từ 23-26⁰C.

Trong khi đó, giống Ý dĩ trồng ở các tỉnh phía Bắc lại thiên về khí hậu ẩm mát của vùng nhiệt đới. Ý dĩ sinh trưởng tốt trên các loại đất tơi xốp thoát nước nhanh và còn giàu chất mùn. Từ một quả giống, sau 4-5 tháng, đã tạo thành một khóm gồm nhiều nhánh có chiều cao đến 2 m. Hoa ý dĩ được tạo thành một bông kép sau này cho rất nhiều quả. Khi quả chín, toàn cây tàn lụi, phần gốc còn lại tiếp tục tái sinh các thế hệ cây chồi mới cho năm sau.

Cây được nhân giống bằng quả, gieo vào tháng 2 - 3, gieo thẳng hoặc gieo trong vườn ươm sau đánh cây con đi trồng. Cách gieo thẳng phổ biến hơn. Chọn quả to, chắc làm giống. Trước khi gieo, ngâm quả vào nước để loại bỏ quả nổi, sau đó, ngâm vào nước ấm 35 - 40°C trong 3 - 4 giờ, hoặc nước thường qua đêm, vớt ra để ráo, rồi đem gieo.

2.7. Gừng - *Zingiber officinale* Roscoe - Zingiberaceae

Tên dân tộc: Sung (Dao).

Cây thảo, sống lâu năm, cao 40-80 cm. Thân rễ nạc; mọc bò ngang, phân nhiều nhánh. Lá mọc so le thành 2 dãy, hình mác thuôn, thắt lại ở gốc, đầu nhọn, dài 15-20 cm, rộng 2 cm, không cuống, có bẹ nhẵn, lưỡi bẹ nhỏ dạng màng, hai mặt nhẵn, mặt trên màu lục sẫm bóng, mặt dưới nhạt.

Cụm hoa dài 5 cm, mọc từ gốc trên một cán dài khoảng 20 cm do nhiều vây lợp hình thành, những vây phía dưới ngắn, càng lên trên càng dài và rộng hơn; lá bắc hình trái xoan, màu lục nhạt, mép viền vàng; đài có 3 răng ngắn; tràng có ống dài gấp đôi đài, 3 thùy bằng nhau, hẹp và nhọn; 1 nhị, nhị lép không có hoặc tạo thành thùy bên của cánh môi, cánh môi màu vàng, có viền tía ở mép, dài 2 cm, rộng 1,5 cm, chia thành 3 thùy tròn, các thùy bên ngắn và hẹp hơn; bầu nhẵn. Quả nang (rất ít gặp). Toàn cây, nhất là thân rễ, có mùi thơm, vị cay, nóng. Mùa hoa quả: tháng 5-8.

Đặc điểm sinh thái riêng của các giống Gừng tùy thuộc vào điều kiện vùng trồng, đặc điểm chung nhất của chúng là cây ưa ẩm, ưa sáng và có thể hơi chịu bóng (Gừng trâu). Cây trồng thường có hoa ở năm thứ hai. Chưa thấy cây có quả và hạt. Gừng trồng sau một năm nếu không thu hoạch sẽ có hiện tượng tàn lụi (phần trên mặt đất) qua đông. Thời gian sinh trưởng mạnh của cây trùng với mùa hè - thu, nóng và ẩm. Gừng thường được trồng rải rác trong các vườn gia đình. Gần đây, có những vùng đã sản xuất Gừng tập trung. Trồng gừng bằng rễ củ mang các mầm non đang nhú. Thời vụ trồng tốt nhất là tháng 2-3 ở đồng bằng, tháng 3-4 ở trung du và miền núi.

Gừng trồng được trên nhiều loại đất, nhưng tốt nhất là đất nhẹ, nhiều mùn, thoát nước, đủ ẩm, có che bóng một phần càng tốt. Để tiện chăm sóc, sau khi làm đất, có thể lên luống với kích thước tùy ý. Khoảng cách trồng 40x30 cm. Mỗi hốc đặt một mầm, phủ đất mỏng, rơm, rạ và cỏ khô, rồi tưới. Sau khoảng một tháng, mầm nhú lên khỏi mặt đất. Có thể giữ nguyên lớp phủ rơm rạ để giữ ẩm và hạn chế cỏ. Nên bón lót cho mỗi hecta 10-15 tấn phân chuồng hoai mục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ KH & CN, Viện KHCNCV, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, Phần 2 - Thực Vật. NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
2. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 2006: Nghị định số 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
3. Nguyễn Tiến Bản (chủ biên), 2003-2005: Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Võ Văn Chi, 1997: Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB. Y học, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Phạm Hoàng Hộ, 1992: Cây cỏ Việt Nam. NXB. Montreal.
6. IUCN, 2001: Red List of Threatened Plants. Website: redlist.org

**THE RARE AND VALUABLE PLANT SPECIES AND POTENTIAL IN
MEDICINAL PLANTS OF XUAN SON NATIONAL PARK, PHU THO PROVINCE**

**NGUYEN THI YEN, DO HUU THU, LE NGOC CONG
SUMMARY**

In the course of development of economy and society, many plant species were threatened with extinction or extinct because of many reasons. The creature resource is reduced rapidly. Nowadays, in Vietnam Red data Book and IUCN red list express partially the biodiversity in nature. In Xuan Son National Park, we accomplished a statistic which showed 1090 plant species in 6 Phyla vascular higher plants: *Psitophyta*, *Licopodiophyta*, *Equisetophyta*, *Polypodiophyta*, *Pynophyta*, *Magnoliophyta*. Among them, we classified and determined 24 precious plant species according to the Ministry of Science and Tecnology document (MOST): Vo Van Chi, Pham Hoang Ho (1992), IUCN (2001). The Plant medicinal Potentiality in Xuan Son National Park is plentiful. In this study, we only introduce 7 valuable species in treatment, they can be cultivated in garden.